TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (viết tắt là ACB).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 442, N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến K - Trưởng Bộ phận khách hàng cá nhân, Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam (Theo Văn bản số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 của Ngân hàng ACB về việc ban hành quy chế ủy quyền ký kết, thực hiện các Hợp đồng dân sự, thương mại và tham gia tố tụng trước pháp luật của Ngân hàng ACB và Văn bản số 02/UQ-HNM.18 ngày 27/12/2018 của Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam).

Địa chỉ liên lạc: Số 22D, B, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn 5 T (xóm 8 T cũ), xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996.

- Anh Nguyễn Trung P, sinh năm 2001.

- Chị Nguyễn Thuỷ T, sinh năm 2005.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thủy T là bà Trần Thị L (Mẹ đẻ của chị Tiên).

Cùng địa chỉ: Thôn 5 T (xóm 8 T cũ), xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1947; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7 T xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam Ninh Khánh (Đội 18, phân trại K3), địa chỉ: Xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Phiên tòa có mặt: Ông K; ông T, bà L, chị H, anh P và chị T vắng mặt phiên toà lần hai không có lý do; bà H (xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/12/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn, Ngân hàng ACB do ông Nguyễn Tiến K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L vay các khoản tiền, cụ thể như sau:

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số HNM.CN.01061012 (hợp đồng chính) ngày 06/10/2012, Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam cho ông T, bà L vay số tiền 360.000.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi triệu đồng)*. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng là 60 tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay (tài sản thế chấp) là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 12, ví trí đất tại: Thôn 5 T (xóm 8 T), xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, diện tích 210 m2 trong đó: Đất ở 160 m2, đất vườn 50 m2, tổng trị giá thửa đất là 593.000.000 đồng, tên chủ hộ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn T.

Sau khi ký hợp đồng chính, Ngân hàng ACB ký với ông T, bà L hợp đồng phụ gồm:

- Hợp đồng số HNM.CN.02061012 ngày 06/10/2012 có nội dụng như sau: Hạn mức cho vay tối đa không vượt quá 350.000.000 đồng; thời hạn có hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời điểm giải ngân, cam kết bảo lãnh trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng; thời hạn vay của số tiền vay được ghi trên khế ước nhận nợ; lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn; trả nợ gốc được hoàn nhiều lần; tiền lãi trả hàng tháng trong hạn

10 ngày kể từ ngày 15 hằng tháng; số tiền gốc, lãi phải trả của mỗi kỳ trả nợ đối với từng khế ước nhận nợ được quy định trong khế ước nhận nợ.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số HNM.CN.03061012 ngày 06/10/2012 được giải ngân vào tài khoản số 146656979, đây là tài khoản thấu chi thu nợ tự động nếu tài khoản dư có, lãi suất thu vào ngày 15 hằng tháng chi tiết như sau: Hạn mức thấu chi 10 triệu đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 06/10/2012 đến ngày 06/10/2013); phương thức vay: Vay hạn mức thấu chi; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất thấu chi được quy định: Lãi suất trong hạn 17,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiên hợp đồng:

** Đối với bên cho vay*:

+ Ngày 06/4/2013, Ngân hàng ACB giải ngân số tiền 200.000.000 đồng cho ông T, bà L theo khế ước nhận nợ số 03; hình thức giải ngân: Giải ngân toàn bộ số tiền vay 200.000.000 đồng vào tài khoản số 146623249 của bà Trần Thị L tại Ngân hàng ACB; mục đích của khoản vay là để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh và gia công đồ gỗ dân dụng; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 06/4/2013 đến ngày 06/10/2013, lãi suất vay 14%/năm, lãi suất vay ngày 15,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

+ Ngày 11/4/2013, Ngân hàng ACB giải ngân tiếp số tiền 150.000.000 đồng cho ông T, bà L theo Khế ước nhận nợ số 04; hình thức giải ngân: Giải ngân toàn bộ số tiền vay 150.000.000 đồng vào tài khoản số 146623249 của bà Trần Thị L tại Ngân hàng ACB; mục đích của khoản vay là để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh và gia công đồ gỗ dân dụng; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 11/4/2013 đến ngày 11/10/2013, lãi suất vay 13,8%/năm, lãi suất vay ngày 15,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

+ Số tiền ông T, bà L đã rút trong hạn mức thấu chi đã ký (10.000.000 đồng) là 241.502 đồng.

** Đối với bên vay*: Sau khi được Ngân hàng ACB giải ngân số tiền vay nêu trên ông T, bà L đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ACB từ tháng 4/2013 đến tháng 8/2013 với tổng số tiền là 17.775.194 đồng, trong đó: Trả gốc 184.658 đồng, trả lãi 17.494.203 đồng, trả tiền phạt 96.333 đồng.

Từ tháng 9/2013 cho đến nay ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ACB, nên ngày 06/10/2013 Ngân hàng ACB đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông T, bà L (của Khế ước nhận nợ số 03, tài khoản vay 157522799 ngày 06/4/2013; số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng hạn mức thấu chi số HNM.CN.03061012 ngày 06/10/2012) sang nợ quá hạn; ngày 11/10/2013 Ngân hàng ACB đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông T, bà L của Khế ước nhận nợ số 04 tài khoản vay 157746069 ngày 11/4/2013 sang nợ quá hạn.

Ngân hàng ACB đã nhiều lần đến làm việc với ông T, bà L để đốc thúc việc trả nợ nhưng ông T, bà L đều không hợp tác làm việc, không ký biên bản làm việc và không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các bị đơn như sau:

- Buộc ông T, bà L trả cho Ngân hàng ACB tổng dư nợ tạm tính đến ngày 26/12/2018 là 748.878.173 đồng, trong đó: Vốn gốc 350.056.844 đồng; lãi trong hạn là 7.417.736 đồng, lãi quá hạn 391.345.838 đồng, phạt chậm trả 57.756 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ của Ngân hàng ACB kể từ ngày 27/12/2018 đến khi ông T, bà L trả dứt nợ. Ông T, bà L phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- Nếu ông T, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Xóm 8 T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông T, bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong hộ gia đình bà L (chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trung P và chị Nguyễn Thủy T) đều không tham gia tố tụng, từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ chối khai báo, cung cấp nội dung vụ việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản hòa giải ngày 27/6/2019 và ngày 19/9/2019, bà Trần Thị L đều thừa nhận việc các thành viên trong gia đình bà gồm có vợ chồng bà và các con là (chị H, anh P và chị T) đã ký vào toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vay vốn của Ngân hàng ACB là đúng. Nhưng việc vay tiền của Ngân hàng ACB là do bà Trần Thị H (chị gái của bà) liên hệ với Ngân hàng cho gia đình bà ký hồ sơ vay vốn để cho bà H sử dụng khoản tiền này làm vốn kinh doanh gỗ. Bà H nhận và sử dụng tiền, trả lãi cho Ngân hàng, gia đình bà không được nhận tiền lãi hay lợi ích vật chất gì từ bà H, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB, đề nghị Ngân hàng ACB đòi nợ bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày tại bản tự khai xác định: Vào khoảng năm 2012, vợ chồng em gái bà là (bà L và ông T) có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng ACB số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, mục đích vay để kinh doanh gỗ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ nhà và đất của bà L, ông T và các thủ tục để đăng kí vay đều được công chứng, chứng thực theo đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng ACB đã thực hiện nghĩa vụ của mình, giải ngân đúng thời gian. Bên vay đã vi phạm hợp đồng thời gian khoảng năm 2013. Bà là người có liên quan đến việc vay vốn ngân hàng của ông T, bà L, cụ thể: Bà không trực tiếp ký vào

hồ sơ vay vốn ngân hàng, nhưng là người trực tiếp nhận tiền khi ngân hàng giải ngân và là người trực tiếp trả lãi cho ngân hàng (lúc thì bằng tiền mặt, lúc thì chuyển khoản). Nay bà đề nghị Ngân hàng ACB dùng số tiền đã bán tài sản của bà *(Hai tỷ đồng)* để thanh toán các khoản nợ cho bà L, ông T rút các tài sản thế chấp để trả lại cho ông T, bà L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Ông T, chị H, anh P và chị T không tham gia tố tụng; bà H xin giải quyết vụ án vắng mặt.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với việc đề nghị buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L liên đới trả Ngân hàng ACB tổng số tiền 816.823.526đ *(Tám trăm mười sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi)* đồng, trong đó: Nợ gốc 350.056.844 đồng, lãi trong hạn 7.417.736 đồng, lãi quá hạn 459.348.946 đồng tính đến ngày 22/11/2019. Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả 57.756 đồng. Ông T, bà L không trả các khoản nợ trên thì phải giao tài sản đã thế chấp để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các bị đơn phải trả khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận ý kiến của bà L và bà H cho rằng, Ngân hàng giải ngân tiền vay cho bà H (theo các tài liệu trong hồ sơ được Ngân hàng lưu giữ thì nguồn vốn vay Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của bà L lập tại Ngân hàng ACB, bà L chính là người rút tiền vay, ký nhận tiền rút tại Ngân hàng ACB). Việc Ngân hàng ACB cho bà L, ông T vay tiền được thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (hai bên đã thỏa thuận, thống nhất ký kết các hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm có công chứng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền). Ngân hàng ACB không có bất cứ liên quan gì đối với bà H trong việc cấp tín dụng cho ông T, bà L. Còn việc bà L có cho bà H vay tiền hay không là việc riêng của cá nhân bà L, bà L tự chịu trách nhiệm. Ngân hàng ACB không chấp nhận ý kiến của bà H về việc nhận trả nợ thay cho ông T, bà L.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và gửi các quyết định, thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật; tuân thủ đúng thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị H) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các bị đơn (ông T, bà L) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị

H, anh P và chị T chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông T, bà L có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng ACB: Tiền gốc: 350.056.844 đồng; Tiền lãi trong hạn: 7.417.736 đồng; Tiền lãi quá hạn: 459.348.946 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi: 816.823.526 đồng; chấp nhận nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả là 57.756 đồng; ông T, bà L phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định các bên đương sự đều có đăng ký kinh doanh, đã tự nguyện ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Trong đó: Hợp đồng số HNM.CN.02061012 ngày 06/10/2012 (mục đích vay là để sản xuất kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận) và Hợp đồng hạn mức thấu chi số HNM.CN.03061012 ngày 06/10/2012 (mục đích vay là để phục vụ nhu cầu đời sống). Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này có cả tranh chấp về dân sự (Hợp đồng hạn mức thấu chi) theo quy định tại Điều 26 và tranh chấp về kinh doanh, thương mại (Hợp đồng số HNM.CN.02061012) theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân theo trình tự sơ thẩm.

- Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trung P và chị Nguyễn Thủy T đều không tham gia tố tụng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đây là phiên toà lần hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xác định giữa Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam với ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L có ký kết các hợp đồng, cụ thể:

[2.1] Đối với khoản vay thứ nhất: Tại Hợp đồng tín dụng số HNM.CN.01061012 (hợp đồng chính). Vợ chồng ông T, bà L vay số tiền 360.000.000 đồng, thời hạn có hiệu lực của hợp đồng là 60 tháng; mục đích vay

để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh và gia công đồ gỗ dân dụng; lãi suất vay 13,8%/năm, lãi suất vay ngày 15,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/10/2012, tại Văn phòng công chứng số III tỉnh Hà Nam, số 2 đường T, huyện L, tỉnh Hà Nam, đối với thửa đất số 216, có diện tích 210m2, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn 5 T (xóm 8 T cũ), xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L.

[2.2] Đối với khoản vay thứ hai: Hợp đồng hạn mức thấu chi số HNM.CN.03061012 ngày 06/10/2012 được giải ngân vào tài khoản số 146656979, đây là tài khoản thấu chi thu nợ tự động nếu tài khoản dư có, lãi suất thu vào ngày 15 hằng tháng chi tiết như sau: Hạn mức thấu chi 10 triệu đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 06/10/2012 đến ngày 06/10/2013); phương thức vay: Vay hạn mức thấu chi; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất thấu chi được quy định: Lãi suất trong hạn 17,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay trên được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam, chi nhánh huyện L theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Tiến K và bà Trần Thị H đều xác định việc ký kết các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hà Nam với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L là đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Bà Trần Thị L cũng thừa nhận việc các thành viên trong gia đình bà gồm ông T, bà Lvà các con là (chị H, anh P và chị T) đã tự nguyện ký vào toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vay vốn của Ngân hàng ACB là đúng.

Đối với ông Nguyễn Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc nên không ghi được quan điểm của họ.

Như vậy việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thấu chi được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thấu chi và các Khế ước nhận nợ số 03, 04 mà các bên đã ký kết. Do vậy ngân hàng có quyền thu hồi, xử lý nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với quan điểm của bà Trần Thị L và bà Trần Thị H cho rằng, bà Hảo là người trực tiếp nhận tiền khi ngân hàng giải ngân và là người trực tiếp trả lãi cho ngân hàng, đề nghị Ngân hàng dùng số tiền đã bán tài sản của bà H (*Hai tỷ*

đồng) để thanh toán các khoản nợ cho ông T, bà L rút các tài sản thế chấp về. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời khai của bà L xác nhận thì bà H không ký vào các hợp đồng, giấy tờ liên quan đến các khoản vay nêu trên, các đương sự cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà H trực tiếp nhận tiền vay do Ngân hàng ACB giải ngân. Mặt khác các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng ACB cung cấp trong hồ sơ vụ án đều chứng minh Ngân hàng ACB đã giải ngân theo các khế ước nhận nợ cho ông T, bà L vào tài khoản số 146623249 của bà Trần Thị L lập tại Ngân hàng ACB. Bà L là người rút tiền trực tiếp tại ngân hàng (có ký nhận về việc rút tiền từ tài khoản ra). Vì vậy ý kiến của bà L, bà H không là không có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L liên đới trả cho Ngân hàng ACB tổng số tiền 816.823.526 đồng *(Tám trăm mười sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng)*, trong đó: Nợ gốc 350.056.844 đồng, lãi trong hạn 7.417.736 đồng, lãi quá hạn 459.348.946 đồng của hai hợp đồng nêu trên tính đến ngày 22/11/2019.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn 5 T (xóm 8 T cũ), xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hà Nam, được ký kết ngày 05/10/2012 tại Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Hà Nam và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Nam, chi nhánh huyện L theo đúng quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Tại thời điểm Tòa án xét xử, thửa đất số 216 có diện tích thực tế là 242 m^2, tăng 32 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp và có các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ống mái bằng 01 tầng chưa hoàn thiện, tổng diện tích sử dụng khoảng 63 m^2 và các công trình phụ.

Theo bản cam kết thế chấp ngày 05/10/2012 ông T, bà L cùng các con là (chị H, anh P và chị T) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cam kết này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 05/102/2012 có giá trị pháp lý để đảm bảo các khoản vay, nếu bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ như đã giao kết thì phía N hàng có quyền yêu cầu kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2018. Ngoài yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn; nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền phạt do chậm trả lãi là 57.756 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin được rút yêu cầu về khoản phạt chậm trả lãi. Xét thấy việc rút

yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu này.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.450.000 đồng, yêu cầu các bị đơn phải thanh toán trả khoản tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (16.823.526 đồng x 3%) = 36.504.705 đồng.

Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 144; 147; 227; Điều 228; Điều 244; 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478, Điều 715; Điều 720; Điều 721 Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 116, Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 299 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 90; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB đối với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lcó nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng ACB tổng số tiền 816.823.526 đồng *(Tám trăm mười sáu triệu tám*

trăm hai mươi ba nghìn năm trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc 350.056.844 đồng, lãi trong hạn 7.417.736 đồng, lãi quá hạn 459.348.946 đồng.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng ACB có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 855 ngày 05/10/2012, đối với: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn 5 T (xóm 8 T cũ), xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB đối với khoản tiền phạt chậm trả là 57.756 đồng (theo yêu cầu khởi kiện ban đầu).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6. Chí phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng ACB số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.450.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L phải nộp 36.504.705 đồng được làm tròn là 36.505.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm linh năm nghìn*) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng ACB số tiền 16.977.500 (*Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/04081 ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND huyện Lý Nhân;*
- *Chi cục THADS huyện Lý Nhân;*
- *UBND xã N;*
- *Các đương sự;*
- *Cổng TT điện tử Tòa án;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy